

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NG
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 12-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NG, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ng, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ng, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Hồng Ng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ng, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TL ST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức C, sinh ngày 07/01/1987 tại H; nơi thường trú: Số 236 Kênh D, phường Kênh D, Quận L, thành phố H; nơi ở hiện tại: Phòng trọ số 6, Dãy trọ số 9, ngõ 6, Tổ 10 N 1, phường Đ, Quận Ng, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức D và bà Đàm Thị H; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05 thời hạn 18 tháng, ngày 06/12/2022 chấp hành xong; tạm giữ ngày 30/5/2023 đến ngày 08/6/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Phạm An D, sinh ngày 26/7/1972 tại H; nơi cư trú: Số 5/7A/84 Phạm Tử Ngh, phường Ngh, quận L, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Anh Đ và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị T (không đăng ký kết hôn) và 01con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân quận Lbra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ

sở cai nghiện bắt buộc số 37 thời hạn 18 tháng, ngày 16/12/2022 chấp hành xong; nhân thân: Án số 355/HSST ngày 29/12/2005, Tòa án nhân dân Quận L xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, 36 tháng thử thách về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2023; có mặt.

3. Nguyễn Thị Th, sinh ngày 20/7/1988 tại H; nơi thường trú: Khu 2, xã Tiên Th, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện tại: Phòng trọ số 6, Dãy trọ số 9, ngõ 6, Tổ 10 N 1, phường Đ, Quận Ng, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị B; có chồng là Ngô Văn H (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 30/5/2023, tạm giam ngày 08/6/2023; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức C và Nguyễn Thị Th thuê Phòng trọ số 6, Dãy trọ số 9, ngõ 6, Tổ 10 N 1, phường Đ, Quận Ng, thành phố H để chung sống như vợ chồng từ tháng 3/2023. Th là người đứng tên thuê phòng còn C là người trả tiền thuê. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/5/2023, C gọi điện thoại cho Phạm An D đến chơi. Khi D đến nói chuyện một lúc thì C nảy sinh ý định mua ma túy để cả bọn sử dụng, C bảo D ở nhà chờ còn C một mình đi đến khu vực đường tàu Cầu Tre 2, quận Ng gặp và mua của một đàn ông tên Thịnh (không xác định được lai lịch, địa chỉ) 200.000 đồng được 01 túi nilon kích thước 2x2cm chứa ma túy đá. C cầm gói ma túy ở tay rồi đi về nhà trọ. Khi C về phòng trọ thì thấy D đang ngồi ở bàn, Thđang nằm trên giường sử dụng điện thoại. C đi vào phòng lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đặt lên bàn rồi đưa gói ma túy cho D. D cầm gói ma túy đá đổ hết vào tẩu thủy tinh, sau đó tự châm lửa đốt và hút ma túy đá. Tiếp theo đến C tự châm lửa sử dụng ma túy. Sau đó, D gọi Thđang ngồi trên giường xuống sử dụng ma túy. Thđang sử dụng điện thoại nên không xuống ngay và bảo D cứ chơi đi, Thsẽ xuống sử dụng sau. Khoảng 15-20 phút sau, Thxuống ngồi cạnh D, D cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi châm lửa cho Thsử dụng. Sau đó có nam giới tên Ng (chưa xác định được lai lịch địa chỉ) là bạn xã hội của C đến chơi. C mời Ng ngồi xuống sử dụng ma túy, Ng đồng ý. D và C lần lượt cầm bật lửa ga châm đốt ma túy cho Ng sử dụng. Khi đó, Thđi ra ngoài mua thẻ điện thoại, khi Thvào phòng trọ thì D đã đi về. Ng mời Thsử dụng ma túy nhưng Thkhông sử dụng. C và Ng tiếp tục sử dụng ma túy thêm vài lần rồi Ng đi về. Lúc này trong phòng trọ chỉ còn Thvà C, C châm lửa cho C và Thcùng sử dụng ma túy thì bị Công an phường Đằng Giang vào kiểm tra, bắt giữ. Thu giữ: 01 gói nilon kích thước 2x2cm có bám dính tinh thể màu trắng, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 chai nhựa có nắp đậy 2 lỗ, 01 lỗ cắm ống hút nhựa, 01 lỗ cắm tẩu thủy tinh có bám dính tạp chất màu đen, 01 bật lửa, 01 điện

thoại Iphone 6S màu hồng và 01 điện thoại Samsung màu vàng của Trần Đức C, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng của Nguyễn Thị Th; 01 điện thoại HTC màu xanh thu giữ của Phạm An D.

Bản kết luận giám định số 421/TB-KTHS(MT) ngày 30/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận:

- Tinh thể màu trắng bám dính trong vỏ gói nilon của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Không đủ điều kiện xác định khối lượng ma túy bám dính trên.

- Tạp chất màu đen bám dính trong 01 bầu thủy tinh của mẫu số 2 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine. Không đủ điều kiện xác định khối lượng ma túy bám dính trên.

Xét nghiệm các mẫu nước tiểu của C và Thđều D tính với chất ma túy Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Trần Đức C và Nguyễn Thị Thkhai nhận như nội dung trên. Số tiền mua ma túy là tiền riêng của C, Thkhông đóng góp gì. Khi Ng sử dụng ma túy thì Thđi ra ngoài, không chứng kiến.

Ngày 29/11/2023, Cơ quan C sát điều tra Công an quận Ng thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm An D, thu giữ 01 điện thoại di động HTC màu xanh. Xét hỏi Phạm An D khai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/5/2023, C gọi D đến nhà chơi. Khi D đến thì thấy C đi ra ngoài, khoảng 20 phút sau C về. C lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá ra để trên bàn, bóc gói ma túy đá đổ vào trong bầu thủy tinh rồi bật lửa đốt ma túy đá để sử dụng. C sử dụng xong thì đến lượt D cầm bộ dụng cụ tự châm lửa sử dụng ma túy đá. Sau đó, D gọi Thxuống sử dụng ma túy nhưng Thđang chơi điện thoại nên không xuống. Một lúc sau Thđi xuống tự sử dụng ma túy. D ở nhà C ngồi chơi thêm một lúc thì đi về.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 25/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng, thành phố H truy tố các bị cáo Trần Đức C, Phạm An D và Nguyễn Thị Thđồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đức C và Nguyễn Thị Thkhai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo Phạm An D thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Đức C, Nguyễn Thị Thvà các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức C từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm An D từ 08 năm đến 09 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thtừ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Do chất ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; các vật chứng khác là các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 phong bì niêm phong số 421MT/PC09 chứa 01 vỏ gói nilon và 01 túi thủy tinh sau khi xử lý mẫu giám định; 01 chai nhựa nắp 02 lỗ đục, một lỗ cắm ống hút; 01(một) bật lửa gas.

Ngoài ra, do không liên quan đến vụ án nên trả lại 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng và 01 điện thoại Samsung màu vàng cho bị cáo Trần Đức C; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng cho bị cáo Nguyễn Thị Th; 01 điện thoại HTC màu xanh cho bị cáo Phạm An D.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận Ng, thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng, thành phố H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

+ Về căn cứ xác định các bị cáo phạm tội:

[2] Lời khai của các bị cáo Trần Đức C, Nguyễn Thị Thv và Phạm An D tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, lời khai thể hiện:

Tối ngày 29/5/2023, Trần Đức C và Nguyễn Thị Thcung cấp địa điểm, ngoài ra C còn cung cấp chất ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho C, Thv và D cùng sử dụng tại phòng trọ của C và Thảo.

Phạm An D có vai trò là người trực tiếp đổ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho C, Thv và D sử dụng, ngoài ra D còn châm lửa đốt ma túy cho Th sử dụng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo là đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng, thành phố H đã truy tố các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

+ Về vai trò của các bị cáo:

[5] Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào tính chất và mức độ tham gia cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của các bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Cụ thể bị cáo Trần Đức C có hành vi cung cấp chất ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho C, Thv và D cùng sử dụng tại phòng trọ của C và Th nên có vai trò cao nhất. Bị cáo Nguyễn Thị Th có hành vi cung cấp địa chỉ nhà trọ của mình cho các bị cáo cùng sử dụng ma túy. Bị cáo Phạm An D là người trực tiếp đổ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho C, Thv và D sử dụng, ngoài ra D còn châm lửa đốt ma túy cho Th sử dụng nên có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo Trần Đức C.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Bị cáo C có 1 tiền sự; bị cáo D có 01 tiền án đã được xóa án tích và 01 tiền sự nên đều được coi là người có nhân thân xấu.

Tại phiên toà các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải...”, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về áp dụng hình phạt chính đối với các bị cáo:

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội. Do vậy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại Cơ sở giam giữ một thời gian đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung theo quy định khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Về áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo:

[9] Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về xử lý vật chứng:

[10] Do chất ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; các vật chứng khác là các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 421MT/PC09 chứa 01 vỏ gói nilon và 01 bầu thủy tinh sau khi xử lý mẫu giám định; 01 chai nhựa nắp 02 lỗ đục, một lỗ cắm ống hút; 01(một) bật lửa gas.

Trả lại 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng và 01 điện thoại Samsung màu vàng cho bị cáo Trần Đức C; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng cho bị cáo Nguyễn Thị Thảo; 01 điện thoại HTC màu xanh cho bị cáo Phạm An D do không liên quan đến vụ án.

+ Về các vấn đề khác trong vụ án:

[11] Đối với người đàn ông tên Thịnh bán ma túy cho Trần Đức C tối ngày 29/5/2023, do C không biết rõ lai lịch của người này nên không có căn cứ để xử lý.

[12] Đối với người đàn ông tên Ng theo lời khai của C là người cùng sử dụng ma túy với nhóm của C ngày 29/5/2023, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, căn cước, địa chỉ của Ng. Do vậy chưa có căn cứ xử lý.

[13] Đối với bà Trần Thị Th, là chủ nhà trọ đã cho Trần Đức C và Nguyễn Thị Ththuê. Bà Thơm không biết việc C, Thtổ chức sử dụng ma túy tại phòng trọ. Vì vậy, Cơ quan C sát điều tra Công an quận Ng không xem xét xử lý đối với bà Thơm.

- Về án phí:

[14] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[15] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đức C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Đức C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm An D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm An D 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2023.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thphạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2023.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 421MT/PC09 chứa 01 vỏ gói nilon và 01 tẩu thủy tinh sau khi xử lý mẫu giám định; 01 chai nhựa nắp 02 lỗ đục, một lỗ cắm ống hút; 01(một) bật lửa gas.

Trả lại 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng và 01 điện thoại Samsung màu vàng cho bị cáo Trần Đức C; trả lại 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng

cho bị cáo Nguyễn Thị Th; trả lại 01 điện thoại HTC màu xanh cho bị cáo Phạm An D.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ng, thành phố H).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Quận Ng;
- Công an Quận Ng;
- Cơ quan điều tra Công an Quận Ng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Q. Ng;
- Chi cục THADS Quận Ng;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Trại tạm giam Công an thành phố H;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Khang Nguyễn Thị Kim Thoa

Phạm Trung Dũng

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Quận Ng;
- Công an Quận Ng;
- Cơ quan điều tra Công an Quận Ng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Q. Ng;
- Chi cục THADS Quận Ng;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Trại tạm giam Công an thành phố H;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng

